TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 129/HNGĐST
Ngày 17-10 -2018
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạn và ông Nguyễn Tiến Dũng.

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Cảnh - Là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/2018/TLST-HNGĐ ngày 03-7-2018 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 133/2018/QĐXX-ST ngày 21-9-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130 ngày 8-10-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị C, sinh năm 1970; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lâm Quang T, sinh năm 1961; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng trú tại địa chỉ: đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố B, bà Hà Thị C trình bày:*

Tôi và anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở yêu thương tự nguyện có đăng ký kết hôn vào tháng 4-1990 tại UBND phường T, thành phố B, Đăk lăk.Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và quan tâm lẫn nhau. Mặc dù, đã Nều lần được gia đình, anh em, bạn bè khuyên giải, nhưng không có kết quả. T đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, nên chúng tôi đã ly thân nhau T năm 2016 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Lâm Thị Ngọc Đ, sinh năm 1991; Lâm Thị Yến N,sinh năm 1997 và Lâm Hà D, sinh ngày 29/8/2002. Đối với cháu Lâm Thị Ngọc Đ và Lâm Thị Yến N đã đủ 18 tuổi nên các cháu tự quyết định cuộc sống của mình.

Còn cháu Lâm Hà D, sinh ngày 29/8/2002 tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ông Lâm Quang T trình bày:*

Ông xác nhận: Tình trạng hôn nhân và các nội dung khác như bà C trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông xét tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong bà C suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng nếu bà C cương quyết thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Lâm Thị Ngọc Đ, sinh năm 1991; Lâm Thị Yến N,sinh năm 1997 và Lâm Hà D, sinh ngày 29/8/2002. Đối với cháu Lâm Thị Ngọc Đ và Lâm Thị Yến N đã đủ 18 tuổi, nên các cháu có quyền tự quyết định cuộc sống riêng của mình.

Còn cháu Lâm Hà D, sinh ngày 29/8/2002 cháu có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách Nệm nuôi cháu.

** Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải hợp lệ, nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả cuộc thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]* *Về tố tụng:*

Đây là vụ án: "Xin ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình.

[2]* *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1]* *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T đến với nhau bằng tình cảm yêu thương tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và quan tâm gì tới nhau, ông bà đã cố gắng khắc phục và đã nhều lần được gia

đình, anh em, bạn bè khuyên giải và chính quyền địa phương can thiệp, nhưng không có kết quả. T đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Điều này chứng tỏ rằng: Tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông T, đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà C cần được chấp nhận, phù hợp với Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2]* *Về con chung:* Ông bà có 03 con chung là: Lâm Thị Ngọc Đ, sinh năm 1991; Lâm Thị Yến N,sinh năm 1997 và Lâm Hà D, sinh ngày 29/8/2002. Đối với cháu Lâm Thị Ngọc Đ và Lâm Thị Yến N đã đủ 18 tuổi, nên các cháu có quyền tự quyết định cuộc sống riêng của mình.

Còn cháu Lâm Hà D, sinh ngày 29/8/2002; trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà C có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Xét, thực tế lâu nay cháu D vẫn đang ở cùng với bà C, cuộc sống vẫn được đảm bảo tốt, ông T cũng đồng ý, nên cần chấp nhận nguyện vọng này của bà C, giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 69, 70, 71, 72 của Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

[2.3]* *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà C không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4]* *Về tài sản:* Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.5]* *Về án phí:* Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bà C phải chịu án phí HNGĐST là 300.000đồng.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1,2,3 Điều 144; 145; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

* Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Hà Thị C.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Hà Thị C được ly hôn ông Lâm Quang T.

2. Về con chung: Giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Hà D, sinh ngày 29/8/2002 đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Ông T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4.Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5.Về án phí: Bà C phải chịu án phí HNGĐST là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng do Nguyễn Ngọc Phương nộp thay theo biên lai số AA/2017/0003343 ngày 14-3-2018 của Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bà C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra-TAND tỉnh Đăk lăk;
-VKS TP.BMT;
-CCTHADS TP.B;
- UBND phường T, Tp. B;
.Lưu hồ.sơ;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị An